

TITLE - TERLIPRESSIN / TERIPRESS GLYPRESSIN MEDICATION PATIENT INFORMATION IN VIETNAMESE

Disclaimer : Document presented by www.911GlobalMeds.com

Source : Medicines Org UK



Express Medicine Shipments, Globally!

FOR PUBLIC INTEREST & INFORMATION ONLY.
NO BRAND OR GENERIC MEDICINE IS BEING PROMOTED
FOR SALES FROM THE CONTENT OF THIS DOCUMENT.

Tờ rơi gói: Thông tin cho người dùng

Terlipressin axetat 0,12 mg / ml dung dịch cho mũi tiêm

terlipressin (dưới dạng axetat)

Đọc kỹ tất cả tờ rơi này trước khi bạn được cho thuốc này vì nó chứa thông tin quan trọng cho bạn.

- Giữ tờ rơi này. Bạn có thể cần phải đọc nó một lần nữa.
- Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào khác, hãy hỏi bác sĩ hoặc y tá của bạn.
- Nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nào, hãy nói chuyện với bác sĩ hoặc y tá của bạn. Điều này bao gồm bất kỳ tác dụng phụ nào có thể xảy ra không được liệt kê trong tờ rơi này. Xem phần 4.

Nội dung trong tờ rơi này

1. Dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm là gì và nó được sử dụng để làm gì
2. Những điều bạn cần biết trước khi được sử dụng dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm
3. Cách sử dụng Terlipressin acetat 0,12 mg / ml dung dịch tiêm
4. Các tác dụng phụ có thể xảy ra
5. Cách bảo quản Terlipressin acetat 0,12 mg / ml dung dịch pha tiêm
6. Nội dung của gói và các thông tin khác

1. Dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm là gì và nó được sử dụng để làm gì

Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch để tiêm là một hormone tuyến yên tổng hợp.

Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch để tiêm được sử dụng để điều trị chảy máu do giãn tĩnh mạch trong đường ống dẫn thức ăn đến dạ dày của bạn (chảy máu giãn tĩnh mạch thực quản).

2. Những điều bạn cần biết trước khi được sử dụng dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm

Bạn không nên dùng dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm

- nếu bạn bị dị ứng với terlipressin hoặc bất kỳ thành phần nào khác của thuốc này (được liệt kê trong phần 6).

Cảnh báo và đề phòng

Thuốc này sẽ được đưa cho bạn nếu bạn bị chảy máu nghiêm trọng hoặc đe dọa tính mạng trong ống dẫn thức ăn (thực quản). Nó được sử dụng dưới sự theo dõi liên tục của tim và tuần hoàn máu của bạn.

Nếu bạn có thể, hãy cho bác sĩ biết nếu bạn mắc phải các tình trạng được hiển thị dưới đây:

- nếu bạn đang bị nhiễm trùng nặng được gọi là sốc nhiễm trùng
- nếu bạn bị hen phế quản hoặc các tình trạng khác ảnh hưởng đến hô hấp của bạn
- nếu bạn bị hội chứng mạch vành cấp tính (ACS mô tả các triệu chứng liên quan đến lưu lượng máu đến cơ tim kém dẫn đến đau tim. Điều này dẫn đến đau ngực hoặc đau thắt ngực.)
- nếu bạn bị huyết áp cao không kiểm soát được, lưu thông máu không đủ trong các mạch tim (ví dụ như đau thắt ngực), trước đó đã bị đau tim (nhồi máu cơ tim), hoặc bạn bị xơ cứng động mạch (xơ cứng động mạch)
- nếu bạn bị nhịp tim không đều (rối loạn nhịp tim)
- nếu bạn bị lưu thông máu kém lên não (ví dụ như bạn bị đột quỵ) hoặc đến các chi của bạn (bệnh mạch máu ngoại vi)
- nếu bạn bị suy giảm chức năng thận (suy thận)
- nếu bạn bị rối loạn nồng độ muối (chất điện giải) trong máu
- nếu bạn đang bị giảm lượng chất lỏng trong tuần hoàn của bạn hoặc đã mất một lượng lớn máu
- nếu bạn trên 70 tuổi
- Nếu bạn đang mang thai.

Trẻ em và thanh thiếu niên

Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch tiêm không được khuyến cáo sử dụng cho trẻ em và thanh thiếu niên do chưa đủ kinh nghiệm.

Các loại thuốc khác và dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm Cho bác sĩ hoặc y tá của bạn biết nếu bạn đang dùng, gần đây đã dùng hoặc có thể dùng bất kỳ loại thuốc nào khác.

Vui lòng thông báo cho bác sĩ của bạn ngay lập tức nếu bạn sử dụng các loại thuốc sau:

- thuốc có ảnh hưởng đến nhịp tim của bạn (ví dụ như thuốc chẹn beta hoặc propofol)
- các loại thuốc có thể gây ra nhịp tim không đều (loạn nhịp tim) như sau:
 - thuốc chống loạn nhịp tim được gọi là Nhóm IA (quinidine, procainamide, disopyramide) và Nhóm III (amiodarone, sotalol, ibutilide, dofetilide)
 - một loại thuốc kháng sinh gọi là erythromycin
 - thuốc kháng histamine (chủ yếu được sử dụng để điều trị dị ứng nhưng cũng được tìm thấy trong một số loại thuốc chữa ho và cảm lạnh)
 - thuốc dùng để điều trị trầm cảm được gọi là thuốc chống trầm cảm ba vòng
- các loại thuốc có thể làm thay đổi nồng độ muối hoặc chất điện giải trong máu của bạn, đặc biệt là thuốc lợi tiểu (được sử dụng để điều trị huyết áp cao và suy tim).

Mang thai và cho con bú

Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch để tiêm chỉ nên được sử dụng trong thời kỳ mang thai nếu điều quan trọng là điều trị tình trạng của bạn. Nếu bạn đang mang thai hoặc cho con bú, nghĩ rằng bạn có thể mang thai hoặc đang có kế hoạch sinh con, hãy hỏi ý kiến bác sĩ trước khi bạn được sử dụng thuốc này.

Người ta không biết liệu Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch tiêm có trong sữa mẹ hay không. Do đó, những ảnh hưởng có thể xảy ra đối với em bé của bạn là không rõ. Bạn nên thảo luận về nguy cơ có thể xảy ra với em bé của bạn với bác sĩ của bạn.

Lái xe và sử dụng máy móc

Không có nghiên cứu nào về ảnh hưởng đến khả năng lái xe và sử dụng máy móc đã được thực hiện. Tuy nhiên, nếu bạn cảm thấy không khỏe sau khi tiêm, đừng lái xe hoặc vận hành máy móc.

Terlipressin acetat 0,12 mg / ml dung dịch tiêm chứa natri

Sản phẩm thuốc này chứa 15,7 mmol (hoặc 361 mg) natri mỗi liều. Được lưu ý bởi những bệnh nhân đang ăn kiêng natri có kiểm soát.

3. Cách sử dụng dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm

Thuốc này sẽ luôn được bác sĩ chỉ định cho bạn. Vui lòng hỏi bác sĩ của bạn để biết thêm thông tin về việc sử dụng nó.

Liều dùng bao nhiêu Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch tiêm

Người lớn

Ban đầu, 1-2 mg terlipressin acetate (tương đương với 8,5-17 ml dung dịch tiêm) được tiêm vào tĩnh mạch của bạn. Liều lượng của bạn sẽ phụ thuộc vào trọng lượng cơ thể của bạn. Sau khi tiêm lần đầu, liều của bạn có thể giảm xuống còn 1 mg terlipressin acetate (tương đương với 8,5 ml dung dịch), cứ sau 4 đến 6 giờ.

Liều tối đa bạn có thể nhận được mỗi ngày là khoảng 120 microgam / kg thể trọng.

Hơi già

Nếu bạn trên 70 tuổi, hãy nói chuyện với bác sĩ trước khi bạn nhận được dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm.

Cách tiêm Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch tiêm Terlipressin acetat 0,12 mg / ml dung dịch pha tiêm nên được tiêm tĩnh mạch chậm.

Tần suất bạn sẽ được cung cấp dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm

Thời hạn sử dụng từ 2 - 3 ngày, tùy thuộc vào tình trạng bệnh của bạn.

Nếu bạn được cung cấp nhiều dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm hơn mức cần thiết

Bạn không được có nhiều dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm hơn liều khuyến cáo. Nếu bạn được cung cấp quá nhiều thì bạn có thể bị tăng huyết áp nhanh chóng, đặc biệt là nếu bạn đã bị huyết áp cao. Nếu điều này xảy ra thì bạn cần một loại thuốc khác được gọi là thuốc chẹn alpha (ví dụ như clonidine) để kiểm soát huyết áp của mình.

Nếu bạn cảm thấy choáng váng, chóng mặt hoặc cảm thấy ngất xỉu, hãy nói với bác sĩ vì đây có thể là dấu hiệu của nhịp tim thấp. Điều này có thể được điều trị bằng một loại thuốc gọi là atropine.

Terlipressin axetat 0,12 mg / ml giải pháp cho mũi tiêm

terlipressin (dưới dạng axetat)

Thông tin sau chỉ dành cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe:

THÔNG TIN CHO CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHUYÊN NGHIỆP

Vui lòng xem Tóm tắt Đặc tính Sản phẩm để biết thêm thông tin.

Quản lý Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch tiêm

Việc quản lý terlipressin phục vụ chăm sóc cấp cứu chảy máu cấp tính giãn tĩnh mạch thực quản cho đến khi có liệu pháp nội soi. Sau đó, việc sử dụng terlipressin để điều trị giãn tĩnh mạch thực quản thường là một liệu pháp bổ trợ cho quá trình cầm máu qua nội soi.

Người lớn

Liều khởi đầu được khuyến cáo là 1 đến 2 mg terlipressin acetate # (tương đương với 8,5 đến 17 ml dung dịch), dùng bằng cách tiêm tĩnh mạch trong một khoảng thời gian.

Tùy thuộc vào trọng lượng cơ thể của bệnh nhân, liều lượng có thể được điều chỉnh như sau:

- trọng lượng dưới 50 kg: 1 mg terlipressin axetat (8,5 ml)
- trọng lượng từ 50 kg đến 70 kg: 1,5 mg terlipressin axetat (12,75 ml)
- trọng lượng vượt quá 70 kg: 2 mg terlipressin acetate (17 ml).

Sau khi tiêm lần đầu, có thể giảm liều xuống 1 mg terlipressin acetat sau mỗi 4 đến 6 giờ.

Giá trị gần đúng cho liều tối đa hàng ngày của dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm là 120 µg terlipressin acetate trên mỗi kg thể trọng.

Liều pháp được giới hạn trong 2-3 ngày để thích ứng với diễn biến của bệnh.

1 đến 2 mg terlipressin axetat tương ứng với 0,85 đến 1,7 mg terlipressin.

Khu vực trống
không in ở đây

Nếu bạn quên sử dụng dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm

Bạn sẽ được dùng dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm trong bệnh viện dưới sự giám sát của bác sĩ.

Nếu bạn ngừng sử dụng Terlipressin acetate 0,12 mg / ml dung dịch tiêm Nếu bạn có thêm bất kỳ câu hỏi nào về việc sử dụng thuốc này, hãy hỏi bác sĩ, dược sĩ hoặc y tá của bạn.

4. Các tác dụng phụ có thể xảy ra

Giống như tất cả các loại thuốc, thuốc này có thể gây ra tác dụng phụ, mặc dù không phải ai cũng mắc phải.

Các tác dụng phụ hoặc dấu hiệu quan trọng bạn nên chú ý và các biện pháp cần thực hiện nếu bạn bị ảnh hưởng

Trong một số trường hợp hiếm hoi, các tác dụng phụ nghiêm trọng có thể xảy ra khi bạn dùng terlipressin. Nếu bạn bị ảnh hưởng bởi một trong những tác dụng phụ sau đây, vui lòng cho bác sĩ của bạn ngay lập tức nếu bạn có thể. Bác sĩ không nên cho bạn uống thêm terlipressin.

Khó thở dữ dội do lên cơn hen, khó thở dữ dội hoặc ngừng thở, đau dữ dội ở ngực (đau thắt ngực), nhịp tim không đều nghiêm trọng và dai dẳng, da chết cục bộ (hoại tử), cơ giật (động kinh), suy thận.

Các tác dụng phụ có thể xảy ra khác

Phổ biến (có thể ảnh hưởng đến 1 trong 10 người)

- đau đầu
- nhịp tim quá chậm
- dấu hiệu lưu thông máu không đủ trong các mạch tim được hiển thị trong ECG
- huyết áp cao
- huyết áp thấp
- không đủ lưu thông máu ở tay, chân và da, da nhợt nhạt
- chует rút ở bụng
- bệnh tiêu chảy.

Không phổ biến (có thể ảnh hưởng đến 1 trong 100 người)

- quá ít natri trong máu (hạ natri máu) nếu không được theo dõi
- da chết (hoại tử) không liên quan đến vị trí tiêm
- tăng huyết áp nhanh chóng
- nhịp tim quá nhanh (đánh trống ngực)
- sưng tấy các mô trong cơ thể hoặc chất lỏng trên phổi
- đau ngực
- đau tim
- chất lỏng dư thừa trên phổi
- suy tim (Torsade de Pointes)
- lưu lượng máu đến ruột không đủ
- co thắt tử cung
- giảm lưu lượng máu đến tử cung
- màu hơi xanh của da hoặc môi
- nóng bừng
- buồn nôn tạm thời (cảm thấy buồn nôn)
- nôn mửa tạm thời
- viêm các mạch bạch huyết (các vết đỏ nhỏ dưới da kéo dài từ vùng bị ảnh hưởng đến nách hoặc bẹn và đo sốt, ớn lạnh, nhức đầu và đau cơ).

Hiếm (có thể ảnh hưởng đến 1 trong 1.000 người)

- hụt hơi.

Rất hiếm (có thể ảnh hưởng đến 1 trên 10.000 người)

- quá nhiều đường trong máu (tăng đường huyết)
- Cú đánh.

Không xác định (không thể ước tính tần suất từ dữ liệu có sẵn)

- chует rút tử cung (chует rút trong tử cung)
- giảm lượng máu đến tử cung.

Báo cáo tác dụng phụ

Nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nào, hãy nói chuyện với bác sĩ, dược sĩ hoặc y tá của bạn. Điều này bao gồm bất kỳ tác dụng phụ nào có thể xảy ra không được liệt kê trong tờ rơi này. Bạn cũng có thể báo cáo các tác dụng phụ trực tiếp thông qua Chương trình Thẻ Vàng tại: www.mhra.gov.uk/yellowcard.

Bằng cách báo cáo các tác dụng phụ, bạn có thể giúp cung cấp thêm thông tin về độ an toàn của thuốc này.

5. Cách bảo quản Terlipressin acetat 0,12 mg / ml dung dịch pha tiêm

Giữ thuốc này ngoài tầm nhìn và tầm với của trẻ em.

Không sử dụng thuốc này sau ngày hết hạn được ghi trên hộp và ống thuốc sau EXP. Ngày hết hạn là ngày cuối cùng của tháng đó.

Bảo quản trong tủ lạnh ở 2-8°C.

Không vứt bỏ bất kỳ loại thuốc nào qua nước thải hoặc rác thải sinh hoạt. Hỏi dược sĩ của bạn cách vứt bỏ những loại thuốc bạn không còn sử dụng nữa. Những biện pháp này sẽ giúp bảo vệ môi trường.

6. Nội dung của gói và các thông tin khác

Dung dịch tiêm Terlipressin acetate 0,12 mg / ml chứa những gì

- Chất hoạt tính là terlipressin (như axetat). Mỗi ống chứa 1 mg terlipressin axetat trong 8,5 ml dung dịch pha tiêm, tương ứng với 0,85 mg terlipressin. Điều này tương đương với 0,12 mg terlipressin axetat mỗi ml, tương ứng với 0,1 mg terlipressin mỗi ml.

- Các thành phần khác là natri axetat trihydrat, natri clorua, axit axetic, băng (để điều chỉnh độ pH) và nước pha tiêm.

Dung dịch Terlipressin acetate 0,12 mg / ml để tiêm trông như thế nào và nội dung của gói

Dung dịch tiêm Terlipressin acetat 0,12 mg / ml là dung dịch tiêm trong suốt, không màu, không nhìn thấy các hạt.

Terlipressin acetat 0,12 mg / ml dung dịch pha tiêm được đóng gói trong một thùng với 5 ống.

Người giữ giấy phép tiếp thị

Sun Pharmaceutical Industries Europe BV
Polarisavenue 87
2132 JH Hoofddorp
Hà lan

nhà chế tạo

Sun Pharmaceutical Industries Europe BV
Polarisavenue 87
2132 JH Hoofddorp
Hà lan

SC Terapia SA

124 Đường Fabricii
400632, Cluj-Napoca
Hạt Cluj
Romania

Sản phẩm thuốc này được ủy quyền tại các Quốc gia Thành viên của EEA dưới các tên sau:

| | |
|-----------------|--|
| Đan mạch: | Terlipressinacetat SUN |
| Nước Đức: | Terlipressin SUN 0,1 mg / ml Injektionslösung |
| Phân Lan: | Terlipressin SUN 1 mg tiêm trực tiếp, liuos |
| Pháp: | Terlipressine SUN 0,12 mg / ml, dung dịch tiêm Terlipressina SUN 0,1 mg / ml soluzione iniettabile |
| Nước Ý: | Terlipressine SUN 0,1 mg / ml, oplopping voor |
| Hà Lan: | tiem Terlipressin SUN 1 mg tiêm truyền Terlipresina SUN 1 mg solució |
| Na Uy: | không thể phát hiện EFG Terlipressin SUN 1 mg tiêm |
| Tây ban nha: | |
| Thụy Điển: | |
| Vương quốc Anh: | |

Tờ rơi này được sửa đổi lần cuối vào tháng 6 năm 2021.

5221270

5221270

Hơi già
Terlipressin chỉ nên được sử dụng thận trọng cho bệnh nhân trên 70 tuổi.

Trẻ em và thanh thiếu niên
Terlipressin không được khuyến cáo ở trẻ em và thanh thiếu niên do chưa có đủ kinh nghiệm về tính an toàn và hiệu quả.

Suy thận
Terlipressin chỉ nên được sử dụng thận trọng cho bệnh nhân suy thận mãn tính.

Suy gan
Không cần điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan.

Không tương thích
Trong trường hợp không có các nghiên cứu về tính tương thích, sản phẩm thuốc này không được trộn lẫn với các sản phẩm thuốc khác.